

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2019

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1995; HKTT: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Ấp C, xã Z, huyện M, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Long H, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị N trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu 02 tháng, chị và anh H tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Tây Ninh vào ngày 28-8-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ấp B, xã T, huyện K tôi

làm nội trợ còn anh H phụ giúp cha mẹ khai thác củi cao su, thời gian chung sống hai vợ chồng không tạo được tài sản gì, thời gian chung sống có 03 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 06-10-2011; Lê Ngọc Q, sinh ngày 05-12-2018 và Lê Mỹ Q, sinh ngày 05-12-2018. Hiện chị đang nuôi 02 cháu Lê Ngọc Q và Lê Mỹ Q còn anh H nuôi cháu Lê Như Q. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thiếu hụt kinh tế dẫn đến bất hòa với nhau nên chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã Z, huyện M, tỉnh Tây Ninh ở từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Long H.

Về con chung: Chị xin tiếp tục nuôi 02 cháu Lê Ngọc Q và Lê Mỹ Q, còn anh H nuôi cháu Lê Như Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Long H trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Riêng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo chị N trình bày là không đúng, anh và chị N không có mâu thuẫn gì cả, tự chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Lê Như Q còn chị N nuôi cháu Lê Ngọc Q và Lê Mỹ Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chị N và anh H có thời gian tìm hiểu 02 tháng, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K vào ngày 27-9-2014, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm cuộc sống thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, anh đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, khi đó chị N kiên quyết xin ly hôn. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã đi đến mức trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với

anh H phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Cần chấp nhận theo nguyện vọng của chị N, giao 02 cháu Lê Ngọc Q, sinh ngày 05-12-2018 và Lê Mỹ Q, sinh ngày 05-12-2018. Anh H nuôi cháu Lê Như Q, sinh ngày 06-10-2011, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh H. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy theo chị N, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng, hai bên sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến, nhưng gia đình hai bên và anh chị không có bàn bạc xây dựng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, nhưng chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, ngược lại anh H yêu cầu đoàn tụ chỉ lời trình bày không cơ sở gì chứng minh cho yêu cầu đoàn tụ của mình là có căn cứ, hơn nữa khi giải quyết vụ án anh không tích cực để tạo điều kiện hàng gấn đoàn tụ mà anh đề nghị vắng mặt không tham gia phiên tòa, nên nay cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N đối với anh Lê Long H là phù hợp với Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 3 cháu, theo nguyện vọng của chị N và anh H khi ly hôn, chị N nuôi 02 cháu Lê Ngọc Q, sinh ngày 05-12-2018 và Lê Mỹ Q, sinh ngày 05-12-2018. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu Lê Như Q, sinh ngày 06-10-2011, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lê Thị Kim N. Chị Lê Thị Kim N được ly hôn đối với anh Lê Long H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Kim N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lê Ngọc Q, sinh ngày 05-12-2018 và Lê Mỹ Q, sinh ngày 05-12-2018. Anh Lê Long H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Như Q, sinh ngày 06-10-2011; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kim N và anh Lê Long H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017233 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Hưng Thuận;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Tấn Đạt